

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2006.

Số: 03 /2006/TTLT-BTM-BGTVT-BTC-BCA

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn việc nhập khẩu ô tô chở người dưới 16 chỗ ngồi đã qua sử dụng theo
Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ**

Căn cứ Nghị định số 29/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thương mại;

Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông Vận tải;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 136/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài;

Liên Bộ Thương mại, Giao thông Vận tải, Tài chính, Công an hướng dẫn cụ thể việc nhập khẩu ô tô chở người dưới 16 chỗ ngồi đã qua sử dụng (dưới đây gọi tắt là ô tô đã qua sử dụng) theo Nghị định số 12/2006/NĐ-CP như sau:

I- Quy định chung

1- Ô tô đã qua sử dụng là ô tô đã được sử dụng, được đăng ký với thời gian tối thiểu là 6 tháng và đã chạy được một quãng đường tối thiểu là 10.000 km (mười nghìn) tính đến thời điểm ô tô về đến cảng Việt Nam.

2- Ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu vào Việt Nam phải thoả mãn quy định của Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ, các quy định của Thông tư này và quy định trong Quyết định số 35/2005/QĐ-BGTVT ngày 21 tháng 7 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

3- Ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu phải nộp thuế theo quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật thuế Tiêu thụ đặc biệt; Luật thuế Giá trị gia tăng và các văn bản pháp luật hiện hành.

II- Điều kiện nhập khẩu ô tô đã qua sử dụng

1- Ô tô đã qua sử dụng được nhập khẩu phải đảm bảo điều kiện: không quá 05 năm tính từ năm sản xuất đến thời điểm ô tô về đến cảng Việt Nam, cụ thể là năm 2006 chỉ được nhập ô tô loại sản xuất từ năm 2001 trở lại đây. Năm sản xuất của ô tô được xác định theo thứ tự ưu tiên sau đây:

- a) Theo số nhận dạng của ô tô;
- b) Theo số khung của ô tô;
- c) Theo các tài liệu kỹ thuật: Catalog, sổ tay thông số kỹ thuật, phần mềm nhận dạng, ê tơ kết gắn trên xe hoặc các thông tin của nhà sản xuất;
- d) Theo năm sản xuất được ghi nhận trong bản chính của Giấy chứng nhận đăng ký xe hoặc Giấy hủy đăng ký xe đang lưu hành tại nước ngoài;
- đ) Đối với các trường hợp đặc biệt khác thì cơ quan kiểm tra chất lượng thành lập Hội đồng giám định trong đó có sự tham gia của các chuyên gia kỹ thuật chuyên ngành để quyết định.
- e) Trường hợp cơ quan kiểm tra chất lượng có nghi vấn về số khung và/ hoặc số máy của chiếc xe nhập khẩu thì cơ quan kiểm tra sẽ trưng cầu

giám định tại cơ quan Công an. Kết luận của cơ quan Công an về số khung và/ hoặc số máy là cơ sở để giải quyết các thủ tục kiểm tra chất lượng nhập khẩu theo quy định.

2- Cấm nhập khẩu ô tô các loại có tay lái bên phải (tay lái nghịch) kể cả dạng tháo rời và dạng đã được chuyển đổi tay lái trước khi nhập khẩu vào Việt Nam, trừ các loại phương tiện chuyên dùng có tay lái bên phải hoạt động trong phạm vi hẹp gồm: xe cần cẩu; máy đào kênh rãnh; xe quét đường, tưới đường; xe chở rác và chất thải sinh hoạt; xe thi công mặt đường; xe chở khách trong sân bay và xe nâng hàng trong kho, cảng; xe bơm bê tông; xe chỉ di chuyển trong sân golf, công viên.

3- Cấm nhập khẩu ô tô cứu thương đã qua sử dụng.

4- Cấm tháo rời ô tô khi vận chuyển và khi nhập khẩu.

5- Cấm nhập khẩu ô tô các loại đã thay đổi kết cấu, chuyển đổi công năng so với thiết kế ban đầu, kể cả ô tô có công năng không phù hợp với số nhận dạng của ô tô hoặc số khung của nhà sản xuất đã công bố; bị đục sửa số khung, số máy trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức.

III - Thủ tục nhập khẩu và đăng ký lưu hành

1- Ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu ngoài các hồ sơ hải quan theo quy định, người nhập khẩu phải nộp cho cơ quan Hải quan 01 bản chính và 01 bản sao (có xác nhận do giám đốc doanh nghiệp ký tên, đóng dấu) của một trong các loại giấy tờ sau:

a) Giấy chứng nhận đăng ký;

b) Giấy chứng nhận lưu hành;

c) Giấy huỷ Giấy chứng nhận đăng ký hoặc Giấy huỷ Giấy chứng nhận lưu hành.

Giấy chứng nhận quy định tại điểm a,b,c nêu trên do cơ quan có thẩm quyền của nước nơi ô tô được Đăng ký lưu hành cấp.

2- Ô tô đã qua sử dụng chỉ được nhập khẩu về Việt Nam qua các cửa khẩu cảng biển quốc tế: Cái Lân Quảng Ninh, Hải Phòng, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh. Thủ tục hải quan được thực hiện tại cửa khẩu nhập.

3- Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan Hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa, người nhập khẩu phải nộp bộ hồ sơ xin đăng kiểm và thông báo địa điểm để cơ quan Đăng kiểm thực hiện kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

4- Chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ xin đăng kiểm hợp lệ, cơ quan Đăng kiểm phải thông báo kết quả đăng kiểm cho người nhập khẩu.

5- Cơ quan Hải quan chỉ được phép giải phóng, thông quan hàng hoá khi có thông báo kết quả kiểm tra chất lượng của cơ quan Đăng kiểm xác nhận đủ điều kiện nhập khẩu theo quy định. Trường hợp quá 33 ngày, kể từ ngày cơ quan Hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa mà người nhập khẩu không xuất trình được kết quả kiểm tra chất lượng hoặc kết quả kiểm tra chất lượng không đủ điều kiện nhập khẩu thì phải xử lý theo quy định của pháp luật.

6- Trường hợp phải kéo dài thời hạn kiểm tra để trưng cầu giám định theo quy định tại điểm đ, e, mục 1 phần II của Thông tư này, cơ quan Đăng kiểm thông báo bằng văn bản cho cơ quan Hải quan và người nhập khẩu biết.

7- Cơ quan Cảnh sát Giao thông thực hiện kiểm tra hồ sơ của ô tô nhập khẩu trước khi làm thủ tục đăng ký. Trường hợp phát hiện xe không đủ điều kiện nhập khẩu thì không làm thủ tục đăng ký và thông báo bằng văn bản cho cơ quan Hải quan biết để xử lý theo quy định.

V- Tổ chức thực hiện

1- Các Bộ theo thẩm quyền của mình tổ chức thực hiện các quy định của Thông tư này, Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 1 năm 2006 và các văn bản pháp luật liên quan. Trong quá trình thực hiện có khó khăn vướng mắc cần phản ánh về Bộ Thương mại, các Bộ liên quan để chỉ đạo, bàn biện pháp xử lý, phối hợp chỉnh sửa kịp thời.

2- Bãi bỏ những quy định trước đây trái với những quy định tại Thông tư này.

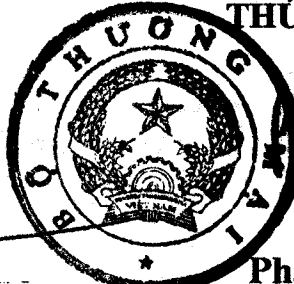
3- Thông tư này có hiệu lực thực hiện từ 01 tháng 5 năm 2006.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
THỦ TRƯỞNG**



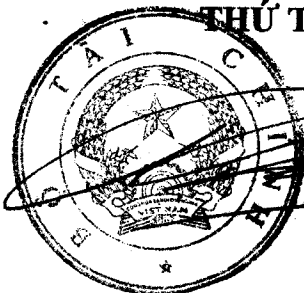
Phạm Thế Minh

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI
THỦ TRƯỞNG**



Phan Thế Ruệ

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH
THỦ TRƯỞNG**



Trương Chí Trung

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN
THỦ TRƯỞNG**



Thượng tướng Lê Thế Tiêm

Nơi nhận

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Sở Thương mại, Sở Thương mại Du lịch;
- Bộ trưởng, các Thủ trưởng và các đơn vị trực thuộc Bộ TM,
Bộ GTVT, Bộ TC, Bộ CA;
- Lưu: VT, XNK (BTM).